

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2023/DS-ST**
Ngày: **24-5-2023**
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Võ Trường Tam.**
- 2. Ông Phạm Minh Hiếu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày **24** tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2023/TLST-DS ngày 20/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” **theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023** giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thành L, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Thanh D, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Long An

(Tất cả các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Năm 2021, bà L không nhớ rõ ngày tháng bà L có cho bà D vay số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Bà D hứa khi nào bán nhà sẽ trả tiền cho bà L và trả thêm 30.000.000 đồng tiền lãi. Trong quá trình vay bà D có trả cho bà L được một ít tiền lãi nhưng bà L không nhớ rõ bao nhiêu. Tuy nhiên bà D sau khi bán nhà không trả nợ cho bà L, bà L cũng đã đòi nợ bà D nhiều lần nhưng đến

nay bà D vẫn không trả nợ cho bà L. Do đó nay bà L khởi kiện yêu cầu bà D trả cho bà L số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả số tiền trên 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà D trả tổng cộng 110.000.000 đồng và yêu cầu ông Ú là chồng bà D cùng trả nợ cho bà L. Tuy nhiên tại phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà D trả nợ gốc là 80.000.000 đồng. Bà L xác định số tiền nợ trên là nợ riêng của bà D chứ không liên quan đến ông Ú. Bà L cũng chỉ yêu cầu một mình bà D trả nợ, không yêu cầu ông Ú cùng trả nên yêu cầu không đưa ông Ú tham gia tố tụng tại Tòa án. Bà L không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản hòa giải và bản tự khai bị đơn bà D trình bày:

Bà D thừa nhận có vay của bà L số tiền, lãi suất các bên thỏa thuận đúng như lời bà L đã trình bày. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền 80.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, bà D đồng ý trả cho bà L số tiền trên. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn. Do đó, bà D xin được trả dần số tiền 80.000.000 đồng trên cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc vay nợ trên là tiền nợ riêng của bà D với bà L, không liên quan đến ông Ú nên bà yêu cầu không đưa ông Ú tham gia tố tụng tại tòa án.

Ông Ú vắng mặt và có bản tự khai ngày 29/3/2023, ông Ú trình bày không liên quan đến việc vay nợ, không có ý kiến, yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ trong vụ án. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do đó vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn **vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì thêm.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thành L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Thanh D. bà D hiện có hộ khẩu thường trú tại huyện Cần giuộc, tỉnh Long An nên xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc triệu tập người tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà Võ Thị Thanh D và chồng bà D là ông Nguyễn Văn Út trả tiền cho bà L. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà L và bà D thống nhất xác định việc vay tiền không liên quan đến ông Ú, bà L cũng chỉ yêu cầu một mình bà D trả nợ. Ông

Ú có đơn từ chối tham gia tố tụng, do đó Hội đồng xét xử không đưa ông Ú vào tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà D trả số tiền nợ 110.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng chỉ yêu cầu bà D trả 80.000.000 đồng. Do đó Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 30.000.000 đồng bà L đã rút.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về nợ gốc: Bà Nguyễn Thị Thành Lập yêu cầu bà Võ Thị Thanh D trả cho bà số tiền nợ vay 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà L cung cấp giấy nợ không ghi ngày có nội dung “mượn 80.000.000 + lời 30 triệu tự khoảng 2021...”. Trong giấy nợ trên có ghi các phần hui và một số nội dung khác tuy nhiên bà L xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần vay, các nội dung khác không liên quan nên không yêu cầu xem xét. Bị đơn bà D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cũng thừa nhận có vay của bà D số tiền 80.000.000 đồng và cũng đồng ý trả cho bà L. Do đó, đây là sự việc không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Về tiền lãi: Các bên đều thống nhất khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất 05%/tháng. Bà D trình bày đã trả lãi được nhiều lần nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu và cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi, bà không yêu cầu Tòa án xem xét đối với phần lãi đã trả. Bà L cũng thừa nhận bà D có trả lãi cho bà L nhưng không nhớ rõ bao nhiêu, trong vụ án này bà cũng không yêu cầu tính lãi do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4.3] Bà D yêu cầu được trả dần số tiền nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được bà L đồng ý, bà L yêu cầu trả cho bà một lần số tiền nợ. Xét thấy, tại giấy nợ không thỏa thuận việc trả dần tiền nợ. Quá trình giải quyết vụ án các bên cũng không thỏa thuận với nhau về trả dần số tiền nợ và pháp luật cũng không quy định về việc trả dần tiền nợ. Do đó, yêu cầu trả dần tiền nợ của bà D là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành L với bị đơn bà Võ Thị Thanh D. Buộc bà D phải trả cho bà L số tiền nợ 80.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 217; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự số; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thành L yêu cầu bà Võ Thị Thanh D trả số tiền 30.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thành L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Võ Thị Thanh D đối với số tiền 80.000.000 đồng.

Buộc bà Võ Thị Thanh D phải trả cho bà Nguyễn Thị Thành L số tiền nợ 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh D phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thành L số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 đồng theo biên lai thu số 0011857 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VK SND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS h.Cần Giuộc
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Toàn